TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2019/QĐST-DS	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 25 tháng 12 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 727/2018/TLST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2018 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: 1/ Bà **Nguyễn Thị Bích Đ**, sinh năm 1963
2/ Bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1935
Cùng trú tại: Đường E, Phường G, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.
Cùng địa chỉ liên lạc: Đường I, phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:
Ông **Bùi Khắc T**, sinh năm 1972
Trú tại: Đường O, phường P, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Theo Giấy ủy quyền ngày 05/10/2018).

Bị đơn: 1/ Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1957
2/ Ông **Nguyễn Minh Hồng H**, sinh năm 1977
3/ Bà **Nguyễn Thị Minh T1**, sinh năm 1983
Cùng trú tại: Đường E, Phường G, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
1/ Bà **Nguyễn Thị Bích T2**, sinh năm 1964
Trú tại: Đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
2/ Bà **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1961
Cư trú: Berlin.
Người đại diện hợp pháp của bà Huệ:
Bà **Nguyễn Thị Bích T2**, sinh năm 1964
Trú tại: Đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Theo Giấy ủy quyền ngày 30/11/2018).

3/ Ông **Nguyễn Tấn T3**, sinh năm 2000

4/ Em **Nguyễn Mẫn Đ1**, sinh năm 2014

5/ Em **Nguyễn Ngọc Minh T4**, sinh năm 2007

Người đại diện hợp pháp của em Đạt, em Trâm: Ông **Nguyễn Minh Hồng H**, sinh năm 1977.

Cùng trú tại: Đường E, Phường G, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Xác định căn nhà và đất tại số Đường E, Phường G, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản thuộc sở hữu chung của bà Nguyễn Thị S và những người thừa kế hợp pháp của ông Nguyễn Thành L bao gồm bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Bích Đ, bà Nguyễn Thị Bích T2, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Minh H2 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số 1622/99 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/02/1999. Do ông Nguyễn Minh H2 đã chết nên phần tài sản của ông thuộc sở hữu của những người thừa kế hợp pháp là bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Minh Hồng H và bà Nguyễn Thị Minh T1.

2.2 Bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Minh Hồng H, bà Nguyễn Thị Minh T1 đồng ý chuyển giao toàn bộ quyền sở hữu và sử dụng đối với phần tài sản mà ông bà được hưởng trong nhà đất nêu trên cho bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Bích Đ, bà Nguyễn Thị Bích T2, bà Nguyễn Thị H1.

2.3. Bà Nguyễn Thị S có trách nhiệm giao cho bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Minh Hồng H và bà Nguyễn Thị Minh T1 số tiền là 3.200.000.000 (Ba tỷ hai trăm triệu) đồng vào ngày 16/01/2019.

Bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Minh Hồng H, bà Nguyễn Thị Minh T1, ông Nguyễn Tấn T3, em Nguyễn Mẫn Đ1, em Nguyễn Ngọc Minh T4 phải di dời và giao trả nhà đất tại Đường E, Phường G, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Bích Đ, bà Nguyễn Thị Bích T2, bà Nguyễn Thị H1 trong ngày 16/01/2019 ngay sau khi nhận đủ số tiền trên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.4. Bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Bích Đ, bà Nguyễn Thị Bích T2, bà Nguyễn Thị H1 được quyền tự liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để tiến hành cập nhật đăng bộ đứng tên chủ sở hữu nhà và đất tại Đường E, Phường G, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh trên.

2.5. Về án phí hòa giải thành là 48.000.000 (Bốn mươi tám triệu) đồng, bà Nguyễn Thị S tự nguyện chịu toàn bộ.

Do bà S đủ 60 tuổi trở lên và có đơn xin được miễn nộp án phí, TƯAP nên bà S được miễn nộp đối với phần án phí mà bà phải chịu theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 là 24.000.000 (Hai mươi bốn triệu) đồng. Bà S không được miễn đối với phần án phí mà bà S tự nguyện nộp

thay cho bà X, ông H và bà T1 do đó bà S phải nộp 24.000.000 (Hai mươi bốn triệu) đồng tiền án phí. Sau khi khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà S đã nộp là 14.500.000 (Mười bốn triệu năm trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2017/0049639 ngày 07/9/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà S phải nộp thêm số tiền là 9.500.000 (Chín triệu năm trăm nghìn) đồng.

- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Bích Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2017/0049640 ngày 07/9/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự TP.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Kim Dung